Danh sách nghiệp vụ Tài sản

(From : AMbussinesList.aspx)

# Giới thiệu chung

## Tổng quan

* + Mục đích hiển thị tất cả các nghiệp vụ tài sản liên quan có 3 loại nghiệp vụ ghi tăng, ghi giảm, nghiệp vụ tác đông

## Các định nghĩa, viết tắt

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết Tắc** | **Diễn giải** |
| AM | Access Managerment |
| AMbussinesList | Danh sách chứng từ nghiệp vụ tài sản |
|  |  |
|  |  |

# Mối quan hệ UseCase

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-case ID** | *UC\_* |
| **Tác nhân** | *accountant, chief accountant* |
| **Tiền điều kiện** | *Thiết lập thông tin tìm kiếm* |
| **Hậu điều kiện** | *Hiển thị được danh sách các chứng từ theo chi tiêu tìm kiếm* |
| **Includes** | *Kỳ tài chính (ghi tang or ghi giam or nghiệp vụ tác động)* |
| **Extends** |  |
| **Generalizes** |  |
| **Business Data liên quan** | *AMINCREASE,* *AMEVALUATION,* *AMDECREASE,PUBDOCUMENT* |

# Tìm kiếm nghiệp vụ tài sản ghi tăng

## Giới thiệu chung Use case thực hiện tìm kiếm chứng từ theo tiêu chí mà tác nhân nhập ờ trên thông tin tìm kiếm

## Luồng sự kiện

Khi có Action từ tác nhân như tìm kiếm thì thực hiện nghiệp vụ tìm kiếm những chứng từ theo các tiêu chí mà tác nhân nhập ờ trên, thực hiện ghi sổ cái nếu Tác nhân có quyền thực hiện và theo điều kiện của ghi sổ

#### Đầu vào

#### Những thông tin mà tác nhân nhập vào thông tin tìm kiếm, Action tìm kiếm or Action Ghi sổ

#### Đầu ra

#### Đưa ra thông tin theo tiêu chí tìm kiếm và ghi sổ theo

## Luồng cơ bản

1. Khi click vào button tìm kiếm
2. Khi clich vao button ghi sổ.

## Các dòng sự kiện chính

### Tìm kiếm

#### Khi Tác nhân click vao button tìm kiếm

#### Tiền điều kiện

Những thông tin mà tác nhân nhập từ trên khung thông tin tìm kiếm.

#### Luồng chính

1. Thực hiện phân tích thông tin đầu vào.
2. Nhập vào thông tin bao gồm:
   1. Thông tin nghiệp vụ chứng từ
   2. Tìm thông tin hóa đơn khi hóa đơn chưa có thì tạo hóa đơn ( *được thực hiện phần sau*)
   3. Nhập thông tin tùy chọn truy vấn: trong thông tin tùy chọn truy vấn giúp cho việc theo dõi các khoản công nợ tương ứng với các tùy chon có thể thống kê sau này như:
3. Thực hiện định khoản
   1. Load tài khoản tiền mặt 1111 vào bên nợ
   2. Chọn các tài khoản về doanh thu và tài khoản liên quan đến Vật tư, hàng hóa, các tài khoản về giá vốn hàng bán (Nếu có).
4. Lưu thông tin mới vừa được thiết lập.
   1. Nếu lưu tại phân hệ CMR mà chưa Post thì nghiệp vụ chưa được ghi sổ
   2. Nếu tiến hành lưu và ghi sổ thì nghiệp vụ sẽ được post lên sổ cái cùng lúc lưu tại CMR nghiệp vụ này.
5. kết thúc

### Cập nhật nghiệp vụ chứng từ công nợ khi có sai xót hoặc bị lỗi (Update CMR Enry)

#### Khi nhận được thông báo lỗi từ GL trả về hoặc người kế toán tự phát hiện ra lổi

#### Tiền điều kiện

Là nhân viên kế toán sẽ được Login .

#### Luồng chính

1. Mở lại lô chứng từ cần cập nhật hoặc bị lỗi.
2. Chọn nghiệp vụ nào bị lỗi (***màu đỏ trong danh sách***)
3. Chỉnh sửa thông tin nghiệp vụ cần thiết
4. Điều chỉnh các but toán cho phù hợp với viêc định khoản: sửa giá trị, hoăc tài khoản dùng cho việc định khoản.
5. Lưu lại thông tin thay đổi
6. Ghi nhận lại lô vừa cập nhật lên sổ cái kế toán để theo dõi. Khi gi nhận và cập nhật thì lô vừa sửa sẽ chuyển sang trạng thái là “Edited”. Cho phép post vào sổ kế toán.
7. kết thúc

### Xóa nghiệp vụ thu tiền mặt

Khi ghi nhận nghiệp vụ thu tiền mặt nhưng vì 2 lý do nào đó chưa thỏa mãng được yêu cầu mà trạng thái lô nghiệp vụ lúc này là **chưa ghi sổ chính** (*tức cho phép chỉnh sửa thay đôi*) .Người kế toán có thể xóa bỏ nghiệp vụ mình vừa tạo.

#### Tiền điều kiện

Là nhân viên kế toán hoặc kế toán trưởng login vào với user account tương ứng.

#### Luồng chính

1. Mở danh mục các lô nghiệp vụ công nợ
2. Chọn xóa các nghiệp vụ thu tiền mặt
3. Thực hiện xóa nghiệp vụ (***Nghiệp vụ chưa được ghi sổ kế toán***)
4. Thông báo xóa thành công hoặc không thành công.
5. kết thúc

### Các sự kiện thông báo lỗi

### Báo lỗi

.

* Thông báo lỗi khi lưu nghiệp vụ mới hoặc cập nhật không thành công.
* Thể hiện màu đỏ đánh dấu trên lô chứa nghiệp vụ bị lỗi bị trả về.
* Cảnh báo người dùng trước khi xóa “Bạn có muốn xóa các CMReceipt này không?”.
* Thực hiện Validate các giá trị ràng buộc phải nhập trên form (Được mô tả chi tiết trong phần đặc tả giao diện).

## Mô hình Activity

# Các ràng bộc về nghiệp vụ

* Nghiệp vụ thu tiền mặt được thực hiện trong các trường hợp sau:
  + Khi có yêu cầu từ SO hoặc Purchasing
  + Có thể tạo nghiệp vụ ngay tại CMR khi có phát sinh
  + Khi hàng hóa mua vào bị trả lại và khách hàng phải thanh toán bằng cách xuất hóa đơn trả lại cho công ty ghi nhận vào CMR.
* Các chức năng này được diễn tả trên mỗi activity.
* Sau khi thực hiện xong nghiệp vụ đồng thời cật nhật vào quy trình chung của Quy trình bán hàng là đã đươc thu tiền hay chưa.
* Hàng hóa mua được nhập kho tại phân hệ kho và các but toán ghi nhận tăng hàng hóa trong kho được thực hiện bút toán tại các phân hệ thanh toán như: AR, CM.

Có hai sự lựa chọn khi chọn vào obtion tiền ngân hàng thì thông tin về ngân hàng được hiện lên cho người kế toán nhập thông tin

# Các ràng bộc dữ liệu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ràng buộc** | **Giá trị** | **Diễn giải** |
|  |  |  |
|  |  |  |

# Giao diện form thu tiền mặt (CMReceipt)

## Form CMReceipt



**Các đề mục trên form**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết các mục** | **Diễn giải** | **Yêu cầu** | | **Hành động** | **Kiểu dữ liệu** | | **Giá trị mặc định** |
| **Nút chức năng** | | | | | | | |
| Icon Thêm mới | Khởi tạo giá trị lại cho form để tiến hành nhập liệu thêm mới | | Nghiệp vụ CMR được thiết lập vào trạng thái sẳn sàng thêm mới, cho phép nhập vào các trường dữ liệu. Có dấu hiệu nhận biết ràng buộc phải nhập. | Click |  | |  |
| Icon Xóa | Thự hiện xóa nhóm CMR Entry | | Thực hiện chức năng xóa CMR Entry. Gọi method thực hiện chức năng này. Có kiểm tra điều kiện | Click |  | |  |
| Icon Tìm kiếm | Thực hiện chức năng tìm kiếm bằng cách thể hiện form Finder | | Gọi finder tìm kiếm, hiển thị thông tin tìm được lên form | Click |  | |  |
| Icon Lưu | Lưu thông tin thêm mới, cập nhật chỉnh sửa CMR Entry | | Kiểm tra thông tin các ràng buộc dữ liệu, gọi hàm lưu thông tin | Click |  | |  |
| Icon In | Thực hiện in ra chứng từ ghi sổ với các but toán kèm theo. | | Chọn ngôn ngữ xuất ra trang in. Cần thiết kế trước về Data. | Click |  | |  |
| Xuất hóa đơn | Xuất ra report về hóa đơn bán hàng theo template | | Thông tin hóa đơn và danh sách các mặc hàng được nhập phần chi tiết. | Click |  | |  |
| Kiểm tra công nợ | Thực hiện kiểm tra công nợ ngay lúc click | | Thể hiện số tiền công nợ với đối tượng được chọn. | Click |  | |  |
| Thông tin chung | | | | | | | |
| Mã CT | Mã chứng từ công nợ phải thu. | Đây là khóa chính, Có hệ thống quản lý mã tăng VD: CMR 001 | | Generate | Varchar | |  |
| Ngày chứng từ | Ngày thiết lập chứng từ | Thể hiện theo định dạng dd/mm/yyyy | | input | NVarchar | | Ngày hiện tại thực hiện chứng từ |
| Mã lô | Mã lô chứa chứng từ AR đang tạo | Tham chiều Mã đến lô chưa chứng từ | | Load | int | |  |
| Diễn giải | Diễn giải |  | | input | nvarchar | |  |
| Trạng thái | Thể hiện trạng thái của chứng từ theo lô hiện hành | Các trạng thái:   * + - Mới, Chưa ghi sổ     - Ghi sổ tạm     - Sổ chính     - Bị lỗi | | Choose | tinyint | | 0 – Mới |
| Đối tượng | Thể hiện mã Đối tượng | Mã được định dạng theo chuẩn OBJ0001 | | Load | varchar | |  |
| Tên Đối tượng  hàng | Thể hiện tên Đối tượng | Lấy tên Đối tượng  theo mã Đối tượng | | Load | nvarchar | |  |
| Kỳ tài chính | Thể hiện kỳ tài chính hiện hành | Kỳ tài chính cho phép chọn thay đổi, các kỳ tài chính có trạng thái chưa đóng. | | choose | Varchar | |  |
| Loại tiền | Thể hiện loại tiền sử dụng cho nghiệp vụ này | Cho phép chọn loại tiền, thể hiện ký hiệu của tiền | | Choose | Varchar | |  |
| Tỷ giá | Thể hiện tỷ giá theo loại tiền chọn với tiền hoạch toán | Cho phép thay đổi tỷ giá | | type | Number | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
| Vận chuyển | Thông tin vận chuyển liên quan đến viêc bán hàng hóa | Thể hiện tất cả các thông tin vận chuyển theo form finder | | Load | Char | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
| Đã thu trước |  |  | |  |  | |  |
| Đơn hàng bán | Đơn hàng bán mà yêu cầu CMR phải thực hiện nghiệp vụ | Thể hiện một danh sách đơn hàng bán | | Load |  | |  |
| Người nhận | Người thực hiện chứng từ và nhận tiền | Lấy tên người dùng đang thực hiện | | Load | Nvarchar | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
| Loại CT | Loại chứng từ Thu tiền | Bình thường/Công nợ/thu trước cho DA- hop dong | | Choose | tinyint | |  |
| Hóa đơn | | | | | | | |
| Mã CT | Số chứng từ ghi nhận là mã lưu trữ của hóa đơn | Tăng tự động | |  | | Int |  |
| Số Hóa Đơn | Số hóa đơn dành để báo cáo thuế |  | |  | | Varchar |  |
| Ký hiệu HĐ | Ký hiệu hóa đơn | Ký hiệu của hóa đơn bán hàng | |  | | Varchar |  |
| Ngày lập HĐ | Ngày lâp hóa đơn | Ngày lập hóa đơn | | Choose | | Date | Lấy ngày hiện tại lập chứng từ |
| Tên đối tượng | Đối tương được xuất hóa đơn |  | |  | |  |  |
| Loại thuế | Chọn Loại thế VAT cho hóa đơn. | Thể hiện vào combobox. Lấy danh sách thuế đã thiết lập trước. | | choose | | Varchar | VAT đầu ra |
| Thuế suất | Thuế suất dành cho loại thế đươc chọn. | Thể hiện trên combobox và có 1 số thuế suất như: 5%, 10%, 20 %... | | Choose | | tinyint | 5% |
| Tiền nguyên tệ trước thuế | Thể hiện đồng tiền nguyên tệ giao dịch với khách hàng | Lưu dưới DB về số tiền nguyên tệ để tiện quy đổi. | | input | |  | 0 |
| Tiền hoạch toán trước thuế | Số tiền quy đổi sang tiền hoạch toán | Dựa vào tỷ giá để quy đổi.  = Tiền nguyên tệ \* Tỷ giá | | Caculate | | money | 0 |
| Tiền thuế | Số tiền thuế dựa trên tiền trước thuế và thuế suất tính ra | Tiền Thuế = Tiền hoạch toán trước thuế \* Thuế suất | | Caculate | | Money | 0 |
| Tiền sau thuế | Thể hiện số tiền sau khi áp dụng thuế | = Tiền hoach toán trước thuế + Tiền thuế | | Caculate | | Money | 0 |
| Hoạch toán | | | | | | | |
|  |  |  | |  | |  |  |
| **Ma HH** | Mã hàng hóa | Tương ứng với Ma HH Trong hóa đơn | | Load | | Nvarchar(10) | Null |
| **Diễn giải** | Diễn giải | Diễn giải cho | | Load | | Nvarchar(200) | Null |
| **Đơn vị tính** | Lấy đơn vị tính tương ứng | Lấy bảng UOM | | Load | | Nvarchar(200) |  |
| **Số lượng** | Số lượng mua tương ứng | Tương ứng với MHH trong chi tiết hóa đơn | | Load | | Decimal(10,2) | 0 |
| **Đơn giá** | Đơn giá tương ứng với Item | Đơn giá tương ứng với Item | | Load | | Decimal(18,3) | 0 |
| **Nguyên tệ** | Tiền được tính | Loại tiền này có thề không phải loại hoạch toán | | =(Số lượng\* Đơn giá) | | Decimal(18,3) | 0 |
| **Tiền hoạch toán** | Là tiền được tính để báo cáo thuế với nhà nước | ứng với việt nam tiền hoạch toán là tiền VND | | =(Nguyên tệ\*tỷ giá) | | Decimal(18,3) | 0 |
| **TK nợ** | Hoạch toán vào tài khoản nợ tương ứng |  | | Vd : 1111 | | Nvahrchar(10) | 0 |
| **TK Có** | Hoạch toán vào tài khoản Có tương ứng |  | |  | | Nvahrchar(10) | 0 |
|  |  |  | |  | |  |  |

# Nghiệp vụ thu tiền mặt CM Receipt

## Giới thiệu chung Use case thực hiện ghi nhận nghiệp vụ chi tiền với các hóa đơn chứng từ các tờ khai và hóa đơn thương mại đối với trường hợp nhập khẩu

* Nghiệp vụ trong nước các chừng từ liên quan là chứng từ trả trước, các hóa đơn do nhà cung cấp xuất ra
* Nghiệp vụ nhập khẩu là các hóa đơn thương mai và các tờ khai nhưng trong trường hợp này nghiệp vụ sử lý dựa vào các tờ khai cò hóa đơn thương mại chỉ dùng để quản lý nó không có tính pháp lý trong lãnh thổ nước ta

## Luồng sự kiện

Khi có yêu cầu từ PO và yêu cầu thanh toán cho nhà cung cấp nào đó .Người kế toán thực hiện ghi nhận nghiệp vụ chi tiền yêu cầu xuất phát từ PO, trường hợp nếu nhận được hóa đơn thi đây là chứng từ thu có đính kèm hóa đơn, hoặc tờ khai (***trường hợp nhập khẩu***), trường hợp không có hóa đơn tờ khai thì đây là nghiệp vụ phát sinh hoặc chứng từ trả trước cho nhà cung cấp nào đó.

#### Đầu vào

#### yêu cầu thanh toán từ phân hệ PO hoặc chính tự bản thân ngay tại nghiệp vụ

#### Đầu ra

#### Ghi nhận nghiệp vụ chi tiền mặt thực hiện but toán và lưu vào sổ kế toán

## Luồng cơ bản

1. khi có yêu cầu thanh toán bằng tiền (tiền mặt hoặc ngân hàng ) người kế toán tiếp nhận yêu cầu có thể thực hiện nghiệp vụ ngay tại thời điểm này hoặc có thể đưa vào kế hoạch chi tiêu .
2. từ lịch thanh toán người kế toán có thể kích hoạt một công việc và thực hiện công việc chi tiền
3. sau khi kích hoạt tính năng này thì gọi form CMPayment để thực hiện chi tiền
4. thực hiện nghiệp vụ chi tiền cho nhà cung cấp
   1. Ghi nhận thông tin nghiệp CMPayment
   2. Finder thông tin hóa đơn hoặc tờ khai (***có thể them hóa đơn tờ khai***)
   3. Thự hiện định khoản vào các tài khoản tiền mặt và nhập kho hàng, giá vốn hàng bán…
   4. Thực hiện ghi nhận các tùy chọn truy vấn để có thể theo dõi các khoản mục sau này.
5. Lưu lại nghiệp vụ. có thể chọn chức năng ghi sổ để ghi nhận thông tin vào sổ cái.

## Các dòng sự kiện chính

### Tạo mới nghiệp vụ chi tiền mặt (Create new CMPayment)

#### Khi có yêu cầu thực hiện nghiệp vụ người kế toán thực hiện nghiệp vụ và thực hiện định khoản lưu vào sổ kế toán

#### Tiền điều kiện

Là nhân viên kế toán hoặc kế toán trưởng login vào với user account tương ứng.

#### Luồng chính

1. Thưc hiện thêm mới Nghiệp vụ chi tiền .
2. Nhập vào thông tin bao gồm:
   1. Thông tin nghiệp vụ chứng từ
   2. Tìm thông tin hóa đơn khi hóa đơn chưa có thì tạo hóa đơn ( *được thực hiện phần sau*)
   3. Nhập thông tin tùy chọn truy vấn: trong thông tin tùy chọn truy vấn giúp cho việc theo dõi các khoản công nợ tương ứng với các tùy chon có thể thống kê sau này như:
3. Thực hiện định khoản
   1. Load tài khoản tiền mặt 1111 vào bên có
   2. Chọn các tài khoản về tài khoản liên quan đến Vật tư, hàng hóa, các tài khoản về giá vốn hàng bán (Nếu có).
4. Lưu thông tin mới vừa được thiết lập .
   1. Nếu lưu tại phân hệ CMP mà chưa Post thì nghiệp vụ chưa được ghi sổ
   2. Nếu tiến hành lưu và ghi sổ thì nghiệp vụ sẽ được post lên sổ cái cùng lúc lưu tại CMP nghiệp vụ này.
5. kết thúc

### Cập nhật nghiệp vụ chứng chi khi có sai xót hoặc bị lỗi (Update CMP Entry)

#### Khi nhận được thông báo lỗi từ GL trả về hoặc người kế toán tự phát hiện ra lổi

#### Tiền điều kiện

Là nhân viên kế toán sẽ được Login.

#### Luồng chính

1. Mở lại lô chứng từ cần cập nhật hoặc bị lỗi.
2. Chọn nghiệp vụ nào bị lỗi (***màu đỏ trong danh sách***)
3. Chỉnh sửa thông tin nghiệp vụ cần thiết
4. Điều chỉnh các but toán cho phù hợp với viêc định khoản: sửa giá trị, hoăc tài khoản dùng cho việc định khoản.
5. Lưu lại thông tin thay đổi
6. Ghi nhận lại lô vừa cập nhật lên sổ cái kế toán để theo dõi. Khi gi nhận và cập nhật thì lô vừa sửa sẽ chuyển sang trạng thái là “Edited”. Cho phép post vào sổ kế toán.
7. kết thúc

### Xóa nghiệp vụ chi tiền

Khi ghi nhận nghiệp vụ chi tiền mặt nhưng vì 2 lý do nào đó chưa thỏa mãng được yêu cầu mà trạng thái lô nghiệp vụ lúc này là **chưa ghi sổ chính** (*tức cho phép chỉnh sửa thay đôi*). Người kế toán có thể xóa bỏ nghiệp vụ mình vừa tạo.

#### Tiền điều kiện

Là nhân viên kế toán hoặc kế toán trưởng login vào với user account tương ứng.

#### Luồng chính

1. Mở danh mục các lô nghiệp vụ chi tiền
2. Chọn xóa các nghiệp vụ chi tiền
3. Thực hiện xóa nghiệp vụ (***Nghiệp vụ chưa được ghi sổ kế toán***)
4. Thông báo xóa thành công hoặc không thành công.
5. kết thúc

## Cách xử lý các đinh khoản và nghiệp vụ thu chi tiền



#### Diễn giải chức năng trên phần chứng từ

1. Sau khi đã chọn thực hiện 1 chứng từ công nợ được gọi tạo mới từ phần danh sách chứng từ hoặc từ đề xuất thanh toán thì người kế toán sẽ tiến hành nhập thông tin về: Chứng từ, hóa đơn, định khoản, danh sách các mặt hàng trong việc định khoản.
2. Với option chọn
   1. Chứng từ thu
      1. Là chứng từ thực hiện nghiệp vụ thu tiền bao gồm: Tiền mặt hoặc tiền gởi ngân hàng.
      2. Chứng từ tiền mặt là chứng từ liên quan đến nghiệp vụ thu chi tiền mặt. người thu tiền sẽ tiến hành xuất phiếu thu và hạch toán thu tiền với việc Ghi Nợ TK 1111 (tài khoản tiền mặt)
      3. Chứng từ ngân hàng thể hiện thu theo dang tiền gởi ngân hàng thông qua các TK hoặc Thẻ ngân hàng. Khi thu tiền gởi ngân hàng chúng ta cho phép chọn ngân hàng đó và lại thẻ liên quan (Nếu có). Tài khoàn hạch toán liên quan đến nghiệp vụ là 112
   2. Chứng từ chi
      1. Chứng từ chi tiền cung tương tự như chứng từ thu với các thông tin tương ứng. chi tiền chứng ta sẽ làm ngược lại là ghi giảm tài khoàn tiền mặt 111 hoac tiền gởi ngân hàng 112.
3. Chúng ta sẽ có các nhóm thông tin như sau:
   1. Thông tin đối tượng
      1. Mã đối tượng
      2. Tên đối tượng
      3. Địa chỉ
      4. Tài khoản tiền
   2. Tiền tệ
      1. Loại tiền
      2. Tỷ giá
      3. Tiền trước thuế
      4. Tiền thuế
      5. Tiền sau thuế
   3. Thông tin về document
      1. Người tạo
      2. Phòng ban
      3. Ngày tạo
      4. Loại Document
   4. Chứng từ
      1. Mã chứng từ: dùng như keysearch. Sẽ làm 1 chức năng cho phép tạo ra các key này khi new mới. VD: PT00010210. có nghĩa là phiếu thu 001 ngày 02 tháng 10.
      2. Diễn giải
      3. Loại chứng từ: thu chi/ công nợ/ thu trước/ chi trước
      4. Ngày chứng từ: ngày này dùng để báo cáo nghiệp vụ thu chi tuy nhiên chưa có trạng thái ghi sổ.(Tức thông tin ghi sổ chưa chính thức)
      5. Ngày ghi sổ: ngày ghi nhận chính thức của chứng từ khi vào sổ.
      6. Mã lô: ghi nhận chứng từ vào lô nghiệp vụ nào đó. Nếu người kế toán muốn theo dõi. Cho phép để trống khi không cần phải theo dõi theo lô. (gọi finder để chọn lô)
      7. Kỳ tài chính: Lấy kỳ hiện tại. danh sách kỳ tài chính được thiết lập trước đó và thể hiện các kỳ kế toán đang mở. Các kỳ tài chính nào được kết sổ sẽ bị set trạng thái là đóng.
      8. Phương thức thanh toán.
      9. Đơn hàng: Thể hiện đơn hàng được đề xuất trong đề xuất thanh toán, thể hiện thông tin mã đơn hàng đó là mua hay bán hay đơn hàng trả lại.
      10. Đề xuất ghi thu chi: Đây là đề xuất xuất phát từ các đơn hàng bán khác nhau sau khi đã cam kết với khách hàng/ ncc và được duyệt.
      11. Vận chuyển: Thông tin vận chuyển các mặt hàng liên quan đến việc bán hàng (Thông tin ngươi vận chuyển, chi phí vận chuyển).
      12. Chứng từ kèm theo: thể hiện chứng từ kèm theo có thể attach file.
4. **Xử lý nghiệp vụ thu tiền**
   1. Trường hợp ghi nhận công nợ trong nước
      1. Loại chứng từ được set là: Chứng từ thu chi tiền/ Công nợ/ thu trước/ Chi trước…
      2. Nguồn nghiệp vụ đầu vào cho nghiệp vụ này bao gồm:
         1. Xuất phát từ các đề xuất thu chi cho “Đơn hàng bán, đơn hàng trả lại, đơn hàng mua…” theo quy trình mua bán hàng.
         2. Tạo trực tiếp thu chi từ yêu thanh toán bất kỳ nào đó. Có thể tạo ra Entry thu chi mà không các hóa đơn hoặc nghiệp vụ riêng lẻ.
      3. Quá tinh thực hiện thu chi (Có hóa đơn)
         1. Khi có yêu cầu thu chi từ phân hệ Bán hàng chuyển qua (Theo SO, PO Hợp đồng, Hóa đơn). Người kế toán sẽ chọn Đề xuất và thực hiện thu chi. Có thể chọn tạo mới công việc thu chi từ kế hoạch đưa ra.
         2. Load các thông tin về SO (nếu là phiếu thu), PO (nếu là phiếu chi), Hợp đồng đã được định danh trong yêu cầu thu chi lên mục “Đơn hàng” và thể hiện mã lên mục này.
         3. Khi người kế toán chọn hóa đơn thì liệt kê các hóa đơn liên quan đến các S,O PO, Hợp đồng và thể hiện trên finder để chọn định khoản.
         4. Khi chọn load xuống toàn bộ thông tin hóa đơn bao gồm thông tin trên lưới hóa đơn và thông tin mặt hàng liên quan.
         5. Trên mục định khoản chọn định khoản tương ứng nghiệp vụ kế toán thu chi để lấy số liệu đưa lên kế toán tổng hợp.
         6. Tổng hợp tiền Hàng
         7. Tổng tiền thuế VAT
         8. Tổng tiền theo % giảm giá
         9. Tính ra % tiền chiết khấu trên hóa đơn = Tiền hàng trước thuế \* % chiết khấu
         10. Các phần tồng hợp nay sẽ đưa vào phần định khoản với line tương ứng.

VD: Tổng tiền thuế VAT là 100 đ, thì định khoản 1 dòng với TK nợ và có tương ứng với thuế.

Tương tự cho Phần chiết khấu trên hóa đơn.

* + 1. Thực hiện thu chi mà chưa có hóa đơn.
       1. Trường hợp thu chi này người kế toán thực hiện thực hiện thu chi theo nghiệp vụ mà chứng từ sẽ không có chọn hóa đơn. Các nghiệp vụ thu chi này như là: Tạm ứng, Thu chi tiền công nợ, thu trước, chi trước, các khoản thu khác liên quan mà ko có hóa đơn.
       2. Việc thực hiện nghiệp vụ thu chi không có hóa đơn thì trên lưới hóa đơn và mặt hàng sẽ không có thông tin nào. Trên phần định khoản sẽ tiến hành định khoản với số tiền tương ứng trên line định khoản. số tiền tổng sẽ được hiện thị trong phần thông tin chung của chứng từ
          1. Tiền tổng = Sum (Bên nợ hoặc bên có của định khoản).
       3. Khi chúng ta định khoàn cho chứng từ mà không có hóa đơn hệ thống cũng cho phép chọn đối tượng cần thanh toán để theo dõi.
    2. Việc tạo chứng từ thu chi chúng ta có chức năng là xuất ra chứng từ, ghi lại thông tin chứng từ với ngày chứng từ tương ứng được chọn.

1. **Định khoản thu chi**

***Danh sách các mặt hàng***



***Danh sách định khoản***



* 1. **Danh sách các mặt hàng cần định khoản** 
     1. Khi thực hiện định khoản có hóa đơn được chọn từ danh mục hóa đơn. Danh sách mặt hàng sẽ thể hiện trên lưới “Mặt hàng”. Bao gồm nhiều thuộc tính như trên lưới
     2. Thành tiền nguyên tệ = Đơn gia nguyên tệ \* Số lượng
     3. Tiền hạch toán = Tiền nguyên tệ \* tỷ giá.
     4. Loại tiền nguyên tệ được thiết lập cho nghiệp vụ trên phần thông tin chung chứng từ gồm có loại tiền và tỷ giá của loại tiền đó với tiền thiết lập dùng cho hệ thống. Khi chọn loại tiền bên trên thì trên lưới thể hiện loại tiền tương ứng.
     5. Phần giảm giá theo % nào đó duoc thiết lập từ luc bán hàng sẽ được chuyển vào thanh toán. Chúng ta có thể thực hiện giảm giá theo % trên các mặt hàng.
     6. Cột Loại thuế và % là thuế giá trị gia tăng đầu ra của Doanh nghiệp cùng với thuế suất áp dụng cho mặt hàng, dịch vụ đó.
  2. **Cách thức định khoản có hóa đơn**
     1. Chọn tài khoản định vào TK nợ, TK có trên lưới: Thể hiên finder tài khoản
     2. Chọn đối tượng cho từng định khoản. Nếu chọn đối tượng bên trên phần “thông tin chung” thì sẽ hiển thị mặc định đối tượng lên cột này nhưng cho phép chỉnh sửa. và tài khoản là tiền mặt 111 đối voi chung tu thu chi tiền, Ghi bê nợ nếu là Thu, ghi có nếu là chi.
     3. Cho phép chọn giá thành cho khoản mục cần định khoản hoặc theo 1 hợp đồng nào đó. Có 3 khoản mục cần chọn nếu muốn theo dõi là:
        1. Giá thành: để theo dõi chi phí phân tích giá thành cho nhiều muc đích khac nhau.
        2. Hợp đồng có the chọn vào khoản mục nào đó để theo dõi cho hop đồng.
        3. SO/RSO/PO/RPO: là các đơn hàng bán, mua hoặc đơn hàng trả lại. người dùng chọn tại đây để theo dõi nếu cần thiết.
     4. Chúng ta sẽ tuân thủ cách định khoản sau đây:
        1. 1 dòng trên chi tiết hóa đơn về mặt hàng se có 1 dòng định khoản bên lưới định khoản và nó sẽ tương ứng là 1-1. Tuy nhiên trên định khoản có thể thêm các dòng định khoản khác bổ sung. Hệ thống có phép thêm nhiều định khoản khác nhau.
        2. Các dòng định khoản khác có thể bao gồm: Định khoản thuế, định khoản giảm giá, chiết khấu…
        3. **Ghi nợ:** Là tài khoản tham chiếu của đối tượng được chọn sẽ input vào cột “TK Nợ” nếu là phiếu thu.
           1. VD: Chọn đối tượng A có tài khoản tiền là 111 thì tự động sẽ input vào bên TK của lưới
        4. **Ghi có**: là tài khoản 111 nếu là phiếu chi tiến mặt. 112 nếu là phiếu chi ngân hàng
           1. Các tài khoản khác có thể định khoản đối ứng với TK tiền hay tài khoàn ngân hàng tùy theo nghiệp vụ

VD: thu tiền công nợ định khoản

Nợ 1111

Có 1311

Thu tiền công nợ thông qua ngân hàng

Nợ 1121

Có 1311

Chi tiền mua hàng hóa

Có 1111

Nợ 1561

Chi tiền mua hàng hóa bằng tiền gởi ngân hàng

Có 1111

Nợ 1561

* + 1. Đối với các line dòng định khoản cho thuế, chiết khấu, giảm giá chúng ta se tuân thủ cách làm sau đây:
       1. Nếu có thuế VAT đầu ra chúng ta se thuc hien như sau
          1. VD: TK thuế VAT đầu ra là 3331 và % thuế VAT trên các mặt hàng là 10 %
          2. Chúng ta tính tổng số tiền thuế cần nhập trên danh sách các mặt hàng. Với công thức = Tồng (tien hang mat hang \*10 %)
       2. Phần giảm giá theo %, số tiền (Xem lại)
          1. Giảm giá dựa theo đơn giá bán được chuyển vào từ Hóa đơn.
          2. Tiền giảm giá = Đơn giá bán \* % Giảm giá. Nếu chúng ta nhập tiền giảm giá thì không cần phải tính lại Giảm % mà chỉ hiển thị ô trống.
       3. Phần chiết khấu trên hóa đơn
          1. Giá Trị = % chiết khấu \* tổng giá trị tiền hàng (Có bao gồm VAT hay không dựa vào hóa đơn để xác định)
          2. Thường thì thực hiện chiết khấu trước VAT. Vì nếu chiết khấu mà cả VAT thì đồng thời chiết khấu trên tiền hàng và cả phần VAT đóng thuế cho nhà nước.
  1. **Cách thức định khoản không có hóa đơn**
     1. Cung giống như phần định khoản có hóa đơn tuy nhiên chúng ta chỉ ghi nhận thông tin chung và thông tin đinh khoản mà thôi
     2. Nhập thông tin chung: chọn loại tiền, chọn đối tượng, Tồng số tiền hạch toán = sum tồng bên nợ hoac bên có của Các định khoản trên các mục định khoản cho hóa đơn sẽ xuất tương ứng.
        1. Tiền trước thuế = Sum (Tiền hàng)
        2. Tiền thuế = hạch toán line thuế.
        3. Tiền sau thuế = tiền trước thuế + Tiền thuế.
     3. Thực hiện định khoản
        1. Hạch toán tiền hàng lên line định khoản (Có thể với số tổng), Hạch toán tiền thuế lên line

### Các sự kiện thông báo lỗi.

### Báo lỗi

.

* Thông báo lỗi khi lưu nghiệp vụ mới hoặc cập nhật không thành công.
* Thể hiện màu đỏ đánh dấu trên lô chứa nghiệp vụ bị lỗi bị trả về.
* Cảnh báo người dùng trước khi xóa “Bạn có muốn xóa các CMReceipt này không?”.
* Thực hiện Validate các giá trị ràng buộc phải nhập trên form (Được mô tả chi tiết trong phần đặc tả giao diện).

# 

## mô hình Activity

### Các ràng buộc về nghiệp vụ

* Nghiệp vụ thu tiền mặt được thực hiện trong các trường hợp sau:
  + Khi có yêu cầu từ PO hoặc Purchasing
  + Có thể tạo nghiệp vụ ngay tại CMP khi có phát sinh
  + Khi hàng hóa mua vào bị trả lại và khách hàng phải thanh toán bằng cách xuất hóa đơn trả lại cho công ty ghi nhận vào CMP
* Các chức năng này được diễn tả trên mỗi activity.
* Sau khi thực hiện xong nghiệp vụ đồng thời cật nhật vào quy trình chung của Quy trình mua hàng là đã đươc trả tiền chưa
* Hàng hóa mua được nhập kho tại phân hệ kho và các but toán ghi nhận tăng hàng hóa trong kho được thực hiện bút toán

# Các ràng bộc dữ liệu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ràng buộc** | **Giá trị** | **Diễn giải** |
|  |  |  |
|  |  |  |

# Giao diện form chi tiền mặt (CMPayment)

## Form CMPayment



**Các đề mục trên form**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết các mục** | **Diễn giải** | **Yêu cầu** | | **Hành động** | **Kiểu dữ liệu** | | **Giá trị mặc định** |
| **Nút chức năng** | | | | | | | |
| Icon Thêm mới | Khởi tạo giá trị lại cho form để tiến hành nhập liệu thêm mới | | Nghiệp vụ CMP được thiết lập vào trạng thái sẳn sàng thêm mới, cho phép nhập vào các trường dữ liệu. Có dấu hiệu nhận biết ràng buộc phải nhập. | Click |  | |  |
| Icon Xóa | Thự hiện xóa nhóm CMP Entry | | Thực hiện chức năng xóa CMP Entry. Gọi method thực hiện chức năng này. Có kiểm tra điều kiện | Click |  | |  |
| Icon Tìm kiếm | Thực hiện chức năng tìm kiếm bằng cách thể hiện form Finder | | Gọi finder tìm kiếm, hiển thị thông tin tìm được lên form | Click |  | |  |
| Icon Lưu | Lưu thông tin thêm mới, cập nhật chỉnh sửa CMP Entry | | Kiểm tra thông tin các ràng buộc dữ liệu, gọi hàm lưu thông tin | Click |  | |  |
| Icon In | Thực hiện in ra chứng từ ghi sổ với các but toán kèm theo. | | Chọn ngôn ngữ xuất ra trang in. Cần thiết kế trước về Data. | Click |  | |  |
| Xuất hóa đơn | Xuất ra report về hóa đơn bán hàng theo template | | Thông tin hóa đơn và danh sách các mặc hàng được nhập phần chi tiết. | Click |  | |  |
| Kiểm tra công nợ | Thực hiện kiểm tra công nợ ngay lúc click | | Thể hiện số tiền công nợ với đối tượng được chọn. | Click |  | |  |
| Thông tin chung | | | | | | | |
| Mã CT | Mã chứng từ công nợ phải thu. | Đây là khóa chính, Có hệ thống quản lý mã tăng VD: CMP 001 | | Generate | Varchar | |  |
| Ngày chứng từ | Ngày thiết lập chứng từ | Thể hiện theo định dạng dd/mm/yyyy | | input | NVarchar | | Ngày hiện tại thực hiện chứng từ |
| Mã lô | Mã lô chứa chứng từ CMP đang tạo | Tham chiều Mã đến lô chưa chứng từ | | Load | int | |  |
| Diễn giải | Diễn giải |  | | input | nvarchar | |  |
| Trạng thái | Thể hiện trạng thái của chứng từ theo lô hiện hành | Các trạng thái:   * + - Mới, Chưa ghi sổ     - Ghi sổ tạm     - Sổ chính     - Bị lỗi | | Choose | tinyint | | 0 – Mới |
| Đối tượng | Thể hiện mã Đối tượng | Mã được định dạng theo chuẩn OBJ0001 | | Load | varchar | |  |
| Tên Đối tượng  hàng | Thể hiện tên Đối tượng | Lấy tên Đối tượng  theo mã Đối tượng | | Load | nvarchar | |  |
| Kỳ tài chính | Thể hiện kỳ tài chính hiện hành | Kỳ tài chính cho phép chọn thay đổi, các kỳ tài chính có trạng thái chưa đóng. | | choose | Varchar | |  |
| Loại tiền | Thể hiện loại tiền sử dụng cho nghiệp vụ này | Cho phép chọn loại tiền, thể hiện ký hiệu của tiền | | Choose | Varchar | |  |
| Tỷ giá | Thể hiện tỷ giá theo loại tiền chọn với tiền hoạch toán | Cho phép thay đổi tỷ giá | | type | Number | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
| Vận chuyển | Thông tin vận chuyển liên quan đến viêc bán hàng hóa | Thể hiện tất cả các thông tin vận chuyển theo form finder | | Load | Nvarchar(10) | |  |
| Đã thu trước | Là chứng từ đã thu trước nào | Là chứng từ đã thu trước nào | | Finder | Nvarchar(10) | |  |
| Đơn hàng bán | Đơn hàng bán mà yêu cầu CMR phải thực hiện nghiệp vụ | Thể hiện một danh sách đơn hàng bán | | Load |  | |  |
| Người nhận | Người thực hiện chứng từ và nhận tiền | Lấy tên người dùng đang thực hiện | | Load | Nvarchar | |  |
|  |  |  | |  |  | |  |
| Loại CT | Loại chứng từ Thu tiền | Bình thường/Công nợ/thu trước cho DA- hop dong | | Choose | tinyint | |  |
| Hóa đơn | | | | | | | |
| Mã CT | Số chứng từ ghi nhận là mã lưu trữ của hóa đơn | Tăng tự động | |  | | Int |  |
| Số Hóa Đơn | Số hóa đơn dành để báo cáo thuế |  | |  | | Varchar |  |
| Ký hiệu HĐ | Ký hiệu hóa đơn | Ký hiệu của hóa đơn bán hàng | |  | | Varchar |  |
| Ngày lập HĐ | Ngày lâp hóa đơn | Ngày lập hóa đơn | | Choose | | Date | Lấy ngày hiện tại lập chứng từ |
| Tên đối tượng | Đối tương được xuất hóa đơn |  | |  | |  |  |
| Loại thuế | Chọn Loại thế VAT cho hóa đơn. | Thể hiện vào combobox. Lấy danh sách thuế đã thiết lập trước. | | choose | | Varchar | VAT đầu ra |
| Thuế suất | Thuế suất dành cho loại thế đươc chọn. | Thể hiện trên combobox và có 1 số thuế suất như: 5%, 10%, 20 %... | | Choose | | tinyint | 5% |
| Tiền nguyên tệ trước thuế | Thể hiện đồng tiền nguyên tệ giao dịch với khách hàng | Lưu dưới DB về số tiền nguyên tệ để tiện quy đổi. | | input | |  | 0 |
| Tiền hoạch toán trước thuế | Số tiền quy đổi sang tiền hoạch toán | Dựa vào tỷ giá để quy đổi.  = Tiền nguyên tệ \* Tỷ giá | | Caculate | | money | 0 |
| Tiền thuế | Số tiền thuế dựa trên tiền trước thuế và thuế suất tính ra | Tiền Thuế = Tiền hoạch toán trước thuế \* Thuế suất | | Caculate | | Money | 0 |
| Tiền sau thuế | Thể hiện số tiền sau khi áp dụng thuế | = Tiền hoach toán trước thuế + Tiền thuế | | Caculate | | Money | 0 |
| Hoạch toán | | | | | | | |
|  |  |  | |  | |  |  |
| **Ma HH** | Mã hàng hóa | Tương ứng với Ma HH Trong hóa đơn | | Load | | Nvarchar(10) | Null |
| **Diễn giải** | Diễn giải | Diễn giải cho | | Load | | Nvarchar(200) | Null |
| **Đơn vị tính** | Lấy đơn vị tính tương ứng | Lấy bảng UOM | | Load | | Nvarchar(200) |  |
| **Số lượng** | Số lượng mua tương ứng | Tương ứng với MHH trong chi tiết hóa đơn | | Load | | Decimal(10,2) | 0 |
| **Đơn giá** | Đơn giá tương ứng với Item | Đơn giá tương ứng với Item | | Load | | Decimal(18,3) | 0 |
| **Nguyên tệ** | Tiền được tính | Loại tiền này có thề không phải loại hoạch toán | | =(Số lượng\* Đơn giá) | | Decimal(18,3) | 0 |
| **Tiền hoạch toán** | Là tiền được tính để báo cáo thuế với nhà nước | ứng với việt nam tiền hoạch toán là tiền VND | | =(Nguyên tệ\*tỷ giá) | | Decimal(18,3) | 0 |
| **TK nợ** | Hoạch toán vào tài khoản nợ tương ứng |  | | Vd : 1111 | | Nvahrchar(10) | 0 |
| **TK Có** | Hoạch toán vào tài khoản Có tương ứng |  | |  | | Nvahrchar(10) | 0 |
|  |  |  | |  | |  |  |

1. Tổng hợp và ghi chú

## tổng hợp

* + - * + nghiệp vụ thu chi tiền mặt được chi làm hai dang riêng biệt thu chi , trong từng nghiệp vụ có hai hình thức thu tiền mặt và tiền gửi ngân hàng khi chọn tiền gửi ngân hàng thì thông tin ngân hàng đSược hiện lên cho user nhập thông tin .
        + thông tin hóa đơn được tìm nếu không tìm thấy có thể tạo hóa đơn mới đối với xuất khẩu và nghiệp vụ bình thường trong nước còn đối vời trường hợp nhập khẩu( **đặc biệt** ) chú ý lức này có hai thông tin cần phải nhập đó là thông tin về tờ khai và hóa đơn thương mại .với tờ khai thì được tìm như những tờ khai trong nước khi không có tờ khai thì có thể tạo mới, đối với hóa đơn thương mại thì nó không có hiệu lực về mặt pháp lý mà chỉ mang tính chất theo dõi tìm kiếm